

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **227/2020/HNGĐ-ST**

Ngày 21 tháng 12 năm 2020

“V/v xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hoàng Kha

Bà Trần Thị Cúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Cúc – Là thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

Trong ngày 21 tháng 12 năm 2020, Tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 541/2020/HNGĐ-ST ngày 13 tháng 10 năm 2020 về việc yêu cầu xin ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 878/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Quốc K, sinh năm 1978 (có mặt).

Địa chỉ: Số 53, ấp C, xã H, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

** Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 53, ấp C, xã H, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Anh Nguyễn Quốc K trình bày tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa như sau:*

- Về hôn nhân: Qua tìm hiểu anh K và chị T đến với nhau trên tinh thần tự nguyện, có tổ chức kết hôn theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Tân, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau năm 2006.

Từ khi chung sống với nhau vợ chồng luôn xảy ra bất hòa, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống, bất đồng quan điểm kéo dài, hiện tại vợ, chồng không sống chung với nhau khoảng 02 năm.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên anh K yêu cầu xin được ly hôn với chị T.

- Về con chung: Anh và chị T có 02 người con chung tên Nguyễn Chí L, sinh năm 1995; Nguyễn Chí N, sinh ngày 01/01/1998. Do các con đã trưởng thành nên không đặt ra yêu cầu.

- Về tài sản chung: Anh K khai có nhưng vợ chồng tự thỏa thuận.

- Về nợ chung: Anh K khai không có nợ và không ai nợ lại.

** Chị Nguyễn Thị T trình bày tại bản tự khai như sau:*

- Về hôn nhân: Vào năm 1995 chị T có xác lập mối quan hệ vợ chồng với anh K và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Tân, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và trong công việc làm ăn kinh tế gia đình dẫn đến thường xuyên cự cãi.

Chị xác định từ năm 2019 chị T và anh K không sống chung. Nay anh K yêu cầu ly hôn thì chị T đồng ý.

- Về con chung: Anh và chị T có 02 người con chung tên Nguyễn Chí L, sinh năm 1995; Nguyễn Chí N, sinh ngày 01/01/1998. Do các con đã trưởng thành nên không đặt ra yêu cầu.

- Về tài sản chung: Chị khai có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận.

- Về nợ chung: Chị khai không có nợ ai và không ai nợ lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn vắng mặt căn cứ các Điều 227; 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Về nội dung các đương sự tranh chấp được xác định là ly hôn.

[3] Về hôn nhân: Anh K và chị T có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên mối quan hệ hôn nhân của anh, chị được pháp luật công nhận và bảo vệ. Lời trình bày của anh K tại phiên tòa do vợ chồng sống không hợp nhau, có nhiều mâu thuẫn, hiện tại anh, chị không còn sống chung với nhau, cả hai không ai quan tâm đến ai cuộc sống riêng mỗi người tự định đoạt, anh xác định cũng không còn tình cảm với chị T. Nếu Tòa án không chấp nhận yêu cầu của anh, thì anh cũng không về chung sống với chị T. Đồng thời, chị T trình bày tại bản tự khai chị T đồng ý ly hôn với anh K. Xét thấy tình cảm vợ chồng của anh, chị đã không còn, thì không cùng ý thức để xây dựng một gia đình chung cho nhau, nguyên nhân mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, có cơ sở chấp nhận lời trình bày và yêu cầu của anh Nguyễn Quốc K về việc xin ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

[4] Về con chung: Anh K và chị T có 02 người con chung tên Nguyễn Chí L, sinh năm 1995; Nguyễn Chí N, sinh ngày 01/01/1998. Do các con đã trưởng thành nên không đặt ra yêu cầu.

[5] Về tài sản chung: Vợ, chồng tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nợ chung, nợ riêng: Anh, chị xác định không có nợ ai và không ai nợ lại anh, chị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 27, 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Điều 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Nghị quyết 326/20016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Quốc K về việc xin ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

- Về con chung: Anh K và chị T có 02 người con chung tên Nguyễn Chí L, sinh năm 1995; Nguyễn Chí N, sinh ngày 01/01/1998. Do các con đã trưởng thành nên không đặt ra yêu cầu.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

- Về nợ chung: Không có.

2. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình: Anh Nguyễn Quốc K phải nộp số tiền 300.000 đồng, vào ngày 13/10/2020 anh K đã dự nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000đ theo biên lai số 0000010 được giữ y, sung vào công quỹ Nhà nước.

Anh K có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng chị Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Cà Mau;
- UBND xã Hòa Tân, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp. Cà Mau;
- Dương sự;
- Lưu Hồ sơ,
- Lưu Toà án Tp Cà Mau

Nguyễn Thị Thắm